SAO Y; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP Hà Nội; 21/12/2023 11:32:02

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 34/NQ-HĐND	*Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2024; Danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số 471/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2024; Tờ trình số 477/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2024; báo cáo thẩm tra số 130/BC-KTNS ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; báo cáo giải trình số 473/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn Thành phố gồm:

1. Danh mục 2.839 công trình, dự án thu hồi đất năm 2024 với diện tích 12.722,55 ha.

2. Danh mục 03 dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2024 với diện tích 3,84483 ha.

(Chi tiết tại Biểu 1A, 1C, 2, 3 và 4 kèm theo)

Uỷ ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung liên quan đến dự án, sự thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; đảm bảo đủ căn cứ, đúng đối tượng, tiêu chí, đúng thẩm quyền, tuân thủ đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quyết định thực hiện dự án và tổ chức thực hiện dự án theo quy định; thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, xác định nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện dự án đảm bảo đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật đất đai và pháp luật khác có liên quan; đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc, đồng thời xử lý các vi phạm (nếu có) theo quy định, không để xảy ra khiếu nại phức tạp gây mất trật tự xã hội.

Kinh phí bố trí để bồi thường, giải phóng mặt bằng: Trên cơ sở danh mục dự án được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua, các dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố được cân đối trong Nghị quyết về phân bổ dự toán ngân sách Thành phố năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố; các dự án sử dụng ngân sách cấp quận, huyện, thị xã do các quận, huyện, thị xã bố trí; các dự án ngoài ngân sách do chủ đầu tư bố trí theo tiến độ đầu tư, đảm bảo bố trí đủ kinh phí phần giải phóng mặt bằng trong năm 2024.

Điều 2: Giao Uỷ ban nhân dân Thành phố:

1. Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy trình và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Uỷ ban nhân dân Thành phố tiếp tục rà soát quy mô, diện tích của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau thu hồi, yêu cầu chủ đầu tư sớm đưa đất vào sử dụng hiệu quả. Kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, vi phạm Luật Đất đai theo quy định.

2. Trường hợp phát sinh yêu cầu sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án quan trọng cấp bách vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng mà chưa có trong danh mục được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua hoặc trường hợp cần điều chỉnh, giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp trình Hội đồng nhân dân Thành phố tại các kỳ họp trong năm 2024.

3. Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và đất đai để thực hiện các dự án đầu tư trong và ngoài ngân sách trên địa bàn Thành phố theo đúng kế hoạch đề ra.

4. Đối với các dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư: sớm có các giải pháp, biện pháp cụ thể hoàn thành nhanh các thủ tục và lựa chọn nhà đầu tư đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

5. Công khai danh mục các dự án trong danh mục thu hồi đất; dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa năm 2024 trên Cổng thông tin điện tử Thành phố, trụ sở làm việc của Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có dự án để nhân dân theo dõi, giám sát theo quy định.

6. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, công khai, minh bạch để tạo sự đồng thuận của người dân, đặc biệt đối với những vùng bị thu hồi đất; tuân thủ đúng quy trình, quy định pháp lý trong tổ chức thực hiện thu hồi đất. Thực hiện đúng quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất, đảm bảo người dân có cuộc sống tốt hơn hoặc bằng nơi ở cũ. Kịp thời đối thoại, giải quyết những vướng mắc ngay từ cơ sở.

Điều 3: Điều khoản thi hành

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TNMT, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐB Quốc hội thành phố Hà Nội;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ VN Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban Đảng TU, VPTU;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP; VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công báo TP Hà Nội;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

STT	Quận, huyện	Số dự án			Diện tích (ha)			Thu hồi đất	
		Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		Số dự án	Diện tích (ha)
			Dự án chuyển tiếp	Dự án đăng ký mới		Dự án chuyển tiếp	Dự án đăng ký mới		
1	Ba Đình	34	29	5	19,90	18,94	0,96	34	14,66
2	Ba Vì	120	74	46	576,07	434,24	141,84	120	374,03
3	Bắc Từ Liêm	118	91	27	582,64	508,46	74,18	118	489,24
4	Cầu Giấy	17	14	3	16,98	5,67	11,31	17	11,28
5	Chương Mỹ	91	71	20	531,70	309,27	222,43	91	492,04
6	Đan Phượng	121	103	18	529,39	498,04	31,35	121	361,33
7	Đông Anh	402	304	98	4371,22	3208,44	1162,78	402	3339,18
8	Đống Đa	18	18	0	13,73	13,73	0,00	18	8,18
9	Gia Lâm	117	88	29	1974,09	1138,62	835,47	117	1549,43
10	Hà Đông	22	17	5	138,02	110,96	27,06	22	65,68
11	Hai Bà Trưng	19	17	2	6,89	4,14	2,75	19	4,69
12	Hoài Đức	112	99	13	602,64	541,01	61,63	112	213,75
13	Hoàn Kiếm	13	13	0	1,27	1,27	0,00	13	1,27
14	Hoàng Mai	98	82	16	271,68	228,29	43,39	98	216,89
15	Long Biên	105	89	16	481,38	462,63	18,75	105	341,53
16	Mê Linh	83	69	14	753,15	658,05	95,10	83	669,10
17	Mỹ Đức	110	85	25	161,42	144,21	17,22	110	144,79
18	Nam Từ Liêm	69	62	7	599,59	520,34	79,25	69	257,61
19	Phú Xuyên	105	89	16	307,83	279,53	28,30	105	288,12
20	Phúc Thọ	133	115	18	253,65	240,97	12,68	133	214,42
21	Quốc Oai	53	47	6	494,91	460,25	34,66	53	350,16
22	Sóc Sơn	104	89	15	907,42	870,32	37,10	104	491,48
23	Sơn Tây	78	59	19	605,02	321,84	283,19	78	487,67
24	Tây Hồ	56	42	14	197,83	186,14	11,69	56	83,93
25	Thạch Thất	120	112	8	505,78	490,30	15,48	120	438,24
26	Thanh Oai	94	77	17	380,05	336,10	43,95	94	303,97
27	Thanh Trì	138	125	13	794,24	713,18	81,06	138	718,79
28	Thanh Xuân	12	11	1	16,61	10,05	6,56	12	13,36
29	Thường Tín	166	139	27	419,65	336,83	82,82	166	394,44
30	Ứng Hòa	111	78	33	384,72	318,72	66,00	111	383,32
Tổng		**2.839**	**2.308**	**531**	**16.899,48**	**13.370,53**	**3.528,95**	**2.839**	**12.722,55**